

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HS-ST

Ngày: 15/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn

Thẩm phán: Ông Chu Long Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tổng Quốc Tuấn

Ông Chu Văn Mốt

Ông Triệu Hoàng Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đinh Việt Hưng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2018/HSST ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị T, sinh ngày: 02/01/1972 tại tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 18/3 đường N, khối 7 phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P, sinh năm 1936 và bà Hoàng Thị T1 (đã chết); có chồng Hoàng Thanh X (đã chết) và 01 con, sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 26/9/1996 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đã được xóa án tích; ngày 26/12/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2016 đến nay, có mặt.

2. Phan Thị K (Tên gọi khác là H), sinh ngày: 01/2/1983 tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 3, thị trấn K1, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Mạnh H1 (đã chết) và bà Lương Thị H2, sinh năm 1959; chồng: Không; con: 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2016 đến nay, có mặt.

3. Nông Văn S, sinh ngày: 23/3/1975 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã V1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn C, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1954; có vợ: Hà Thị Đ1, sinh năm 1977, hiện đang chấp hành án phạt 19 (Mười chín) năm tù và 02 con, sinh năm 1998 và 2004; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2016 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Bà **Triệu Thị Kim L1**, luật sư Văn phòng luật sư TL thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn, bào chữa cho bị cáo **Phạm Thị T**, có mặt.

2. Ông **Đinh Công T2**, luật sư Văn phòng luật sư Đinh Công T2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn, bào chữa cho bị cáo **Phan Thị K**, có mặt.

3. Ông **Lê Viết Đ2**, luật sư Văn phòng luật sư TL thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn, bào chữa cho bị cáo **Nông Văn S**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 15 phút ngày 26/12/2016 tại nhà Phạm Thị T ở số 18/3, đường N, phường V, thành phố L; lực lượng chức năng bắt quả tang đối với: Phạm Thị T, Phan Thị K (H), Nông Văn S đang thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, ngoài ra còn có Vi Văn L2, Đinh Thị Thu T3 cũng đang ở nhà T. Thu giữ vật chứng là một túi ni lon màu xanh, tiếp bên trong là một túi ni lon màu trắng có chứa tinh thể màu trắng các đối tượng trên khai đó là ma túy đá (Ma túy tổng hợp); Thu trên người Nông Văn S 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) đã niêm phong thu giữ.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thị T thu giữ: Một túi ni lon có chứa lá cây khô (không rõ lá cây gì, nghi là ma túy) thu trong túi quần bò trong phòng ngủ của H4 (con của T); 01 điện thoại di động Iphone của Đinh Thị Thu T3 trong phòng ngủ của T.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nông Văn S tại: Thôn C, xã Đ, thành phố L thu giữ: 02 túi ni lon màu trắng bên trong có chứa tinh thể màu trắng thu tại ngăn kéo bên trái giường ngủ; 01 cân điện tử nhãn hiệu Ao Sai màu đen; 01 vỏ chai nhựa có gắn 02 ống hút bằng nhựa; 01 khẩu súng ngắn loại K59, số 1519, trong hộp tiếp đạn có 08 viên đạn; 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Khám xét khẩn cấp tại

nơi S đăng ký HKTT: Thôn M, xã V1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thu giữ 20 viên đạn, nghi là đạn súng quân dụng.

Kết luận giám định số: 73/KL-PC54 ngày 29/12/2016 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn có ghi: “ V. Kết luận giám định:

a) Gói niêm phong ký hiệu “1”: Chất tinh thể màu trắng là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng 458,980 gam (đã trừ bì).

b) Gói niêm phong ký hiệu “2”: Lá cây khô là Cần sa có trọng lượng 1,354 gam (đã trừ bì).

c) Gói niêm phong ký hiệu “3”: Chất tinh thể màu trắng đều là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng 28,080 gam (đã trừ bì).”

Kết luận giám định số 55/GĐ-PC54 ngày 10/01/2017 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn; Kết luận:

“ - 01 khẩu súng ngắn (ghi thu tại nơi ở của Nông Văn S) gửi giám định là súng quân dụng K59. Súng hoạt động bình thường. 08 viên đạn trong hộp tiếp đạn gửi kèm theo là đạn quân dụng cỡ 9 x 18 mm.

- 20 viên đạn màu đồng (ghi thu giữ tại nơi đăng ký HKTT của Nông Văn S) gửi giám định gồm: 17 viên cỡ 7,62 x 25mm; 03 viên cỡ 9 x 29,5 mm là đạn quân dụng.”

Kết luận giám định số: 152/GĐ-PC54 ngày 02/6/2017 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn; Kết luận: “ V. Kết luận giám định: Toàn bộ số tiền Việt Nam trong 02 gói niêm phong gửi giám định là tiền thật.”

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận:

Năm 2013 Nông Văn S thường đi sang khu vực L3, Bằng Tường, Trung Quốc mua bán hàng nông sản nên có quen biết với một người đàn ông Trung Quốc tên là A. Tháng 12/2016 hai người gặp nhau tại Bằng Tường, A có nói với Nông Văn S là mình có ma túy đá (Ma túy tổng hợp) bán thì S nói đề về Việt Nam tìm người mua. Trưa ngày 24/12/2016 S gọi điện thoại nói với Phạm Thị T là mình có ma túy, nếu có người mua thì gọi, T trả lời đề tìm kiếm, có sẽ gọi lại cho. Sau đó S đi sang thị Bằng Tường ăn cưới người quen, tại đây lại gặp A rồi hai người thỏa thuận A sẽ bán cho S giá 175 triệu đồng/01 kg ma túy đá, bán xong thì mang tiền sang trả, hai người cho nhau số điện thoại để liên lạc rồi S đi về.

Tối ngày 25/12/2016 Nông Văn S nhận được điện thoại của A hẹn gặp nhau ở đường biên giới khu vực N, xã M, huyện V để nhận ma túy. Sau đó S đi xe mô tô biển kiểm soát 12P1-10865 đến điểm hẹn và nhận với A một túi ni lon màu đen có chứa chất ma túy cất giấu vào túi áo khoác và đi xe máy về chỗ ở tại thôn C, xã Đ, thành phố L để cất giấu.

Thông qua mối quan hệ xã hội, Phan Thị K có quen biết Lê Hòa B, Sinh năm 1986; Trú tại khu P1, phường H6, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sáng ngày 26/12/2016 nói chuyện qua điện thoại rằng B có người bạn đang cần mua ma túy, nếu K giới thiệu được chỗ mua thì sẽ trả công là 5 (Năm) triệu đồng, K nói đề hỏi

rồi sẽ báo cho B sau. Đến buổi trưa cùng ngày K cùng với Vi Văn L; Sinh năm 1995; Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã P1, huyện L4, tỉnh Lạng Sơn đến quán hàng của Phạm Thị T để ăn uống. Tại đây K nói riêng với T là cần tìm mua ma túy, sau đó T gọi điện thoại hỏi S có khách cần mua ma túy thì được S cho biết là đã có ma túy, nếu khách có tiền ngay thì để S mang ma túy đến, T nói sẽ gọi lại. Sau đó K nói với L2 là mình đi ra ngoài có việc, còn L2 cũng đi ra ngoài phố. K đi đến nhà B và được B giới thiệu cho gặp một người đàn ông nói là cần mua ma túy. Khoảng 13 giờ ngày 26/12/2016 Phan Thị K đưa Lê Hòa B cùng người đàn ông lạ mặt vừa gặp tại nhà của B đến nhà của Phạm Thị T để mua ma túy như đã hẹn, đến nơi hai người đàn ông đứng ở trước hiên nhà còn K vào trong nhà trao đổi với T thì được biết đã có ma túy, nếu người mua có tiền thì sẽ có người mang ma túy đến. K đi ra gọi hai người cùng đi với mình vào, người khách lạ đi cùng B mang theo một túi ni lon màu vàng vào nhà gặp T và lấy ra 04 cọc tiền loại có mệnh giá 500.000đ/01 tờ để trên bàn nước ở phòng khách, sau khi T xem tiền xong thì người đó lại cất vào túi ngồi chờ còn T gọi điện thoại báo với S là khách đã có tiền rồi mang ma túy đến bán. S lấy túi ma túy xẻ ra hai túi nhỏ và cất giấu ở ngăn kéo đầu giường ngủ để bán lẻ, giấu túi ma túy còn lại vào trong người rồi nói với bạn gái là Đinh Thị Thu T3, sinh năm 1989; trú tại: Thôn L5, xã V1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cùng đi đến nhà T ăn uống, mỗi người đi một xe máy. Đến nơi S đưa T3 đi vào theo đường cửa ngách rồi S đưa gói ma túy cho T tại phòng bếp, T cầm túi ma túy đi ra phòng khách còn K cùng người khách mua gặp nhau ở phòng khách để xem ma túy và thực hiện việc mua bán, cùng lúc đó có Vy Văn L2 đến tìm K đi vào trong nhà T. Liên đó bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang như đã nêu ở phần trên. Còn B và người đàn ông đi cùng mua ma túy đã lợi dụng đông người chạy thoát.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản Cáo trạng số: 06/VKS-P1 ngày 01/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999; truy tố bị cáo Nông Văn S về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999 và tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng quy định tại khoản 1 Điều 230 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K, Nông Văn S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã quy kết; các bị cáo đều có ý kiến đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên phần tội danh đối với các bị cáo như Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đề cập nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Nông Văn S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T mức án 20 (Hai mươi) năm tù.

Xử phạt bị cáo Phan Thị K mức án 20 (Hai mươi) năm tù.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; khoản 1 Điều 230; Điều 20; Điều 53; Điều 50; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nông Văn S mức án từ 15 (Mười lăm) năm đến 16 (Mười sáu) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nông Văn S mức án từ 01 (Một) năm đến 02 (Hai) năm tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.

Tổng hợp hình phạt bị cáo Nông Văn S phải chấp hành từ 17 (Mười bảy) năm tù đến 18 (Mười tám) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Vật chứng là ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy; vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước; vật chứng và những giấy tờ tùy thân không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo thì cần trả lại cho các bị cáo.

Ngoài ra các bị cáo có quyền kháng cáo và phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K, Nông Văn S phát biểu quan điểm: Sau khi phạm tội các bị cáo đều đã khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Đối với bị cáo Phạm Thị T phạm tội do nể nang bạn bè, lợi nhuận chưa được hưởng, bị cáo từng phạm tội nhưng đã được xóa án tích. Đối với bị cáo Phan Thị K là mẹ đơn thân, có trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật hạn chế nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Đối với bị cáo Nông Văn S là người dân tộc thiểu số, có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương, ngoài ra còn tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc phát hiện phòng ngừa tội phạm nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Từ đó người bào chữa cho các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K, Nông Văn S đều có chung quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K, Nông Văn S tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và Kết luận giám định vật chứng thu được. Ngoài ra còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở xác định:

[2] Do thường xuyên đi sang Trung Quốc mua bán hàng nông sản nên bị cáo Nông Văn S có quen biết một người Trung Quốc tên là A. A cho S biết mình có ma túy đá bán thì S đã gọi điện thoại cho Phạm Thị T nhờ T tìm người mua ma túy, còn bản thân S đã thỏa thuận và mua một lượng ma túy đá với A với giá 175 triệu đồng/01kg. Qua quen biết, Phan Thị K đã nói với Phạm Thị T mình có khách cần mua ma túy và hỏi T chỗ mua ma túy, sau đó T đã gọi điện thoại cho Nông Văn S. Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 26/12/2016, khi các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K, Nông Văn S đang thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy tại nhà của T, số 18/3, đường N, phường V, thành phố Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang, thu giữ vật chứng là 458,980g chất ma túy Methamphetamine. Khi tiến hành khám xét nơi ở của Nông Văn S, cơ quan điều tra còn thu giữ được 01 khẩu súng K59, 20 viên đạn quân dụng do bị cáo mua với người khác đem về cất giấu nhằm mục đích để làm kỷ niệm và 28,080g chất ma túy Methamphetamine bị cáo khai nhận mục đích để lại số ma túy tại nhà để bán lại cho các đối tượng khác. Vì vậy bị cáo Nông Văn S phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán $458,980g + 28,080g = 487,060g$ ma túy Methamphetamine.

[3] Từ những phân tích trên, có đầy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999; bị cáo Nông Văn S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999 và tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng quy định tại khoản 1 Điều 230 Bộ luật Hình sự 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[4] Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K, Nông Văn S thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài ra hành vi Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng của bị cáo Nông Văn S cũng là đặc biệt nguy hiểm. Những hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện, cũng như đã xâm hại đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước; gây hoang mang, lo lắng cho quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Bản thân các bị cáo có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức được hành vi là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi, muốn có thu nhập cao bằng con đường làm ăn bất chính nên các bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng tính chất giản đơn, để áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đối với mỗi bị cáo. Hội đồng xét xử đánh giá vai trò tính chất mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

[6] Đối với hành vi mua bán 458,980 gam ma túy Methamphetamine: Bị cáo Nông Văn S là người đã mua ma túy nhằm mục đích bán, nên bảo bị cáo Phạm Thị T tìm người mua ma túy, đối với các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K có vai trò là người môi giới, giúp sức tích cực cho việc mua bán ma túy giữa các đối tượng trong vụ án, cụ thể bị cáo Phạm Thị T môi giới, giúp sức cho người bán ma túy là bị cáo Nông Văn S, còn bị cáo Phan Thị K môi giới, giúp sức cho đối tượng mua ma túy. Do đó, bị cáo Nông Văn S phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K là người môi giới giúp sức, có vai trò ngang nhau.

[7] Đối với số ma túy 28,080 gam Methamphetamine bị cơ quan điều tra thu giữ tại nhà của bị cáo Nông Văn S; bị cáo Nông Văn S khai nhận số ma túy này mục đích để bán lại cho các đối tượng khác. Do đó bị cáo Nông Văn S phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng trọng lượng $(28,080g + 458,980g) = 487,060g$ chất ma túy Methamphetamine. Ngoài ra bị cáo Nông Văn S còn độc lập thực hiện hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Nông Văn S, Phan Thị K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Phạm Thị T có nhân thân không tốt, vào các năm 1996 và 2002 bị Tòa án tỉnh Lạng Sơn xử phạt tù có thời hạn về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã được xóa án tích nhưng vẫn không chịu rèn luyện mà vẫn tiếp tục phạm tội.

[9] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nông Văn S, Phạm Thị T, Phan Thị K đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định của Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K, Nông Văn S đều đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Ngoài ra bị cáo Nông Văn S còn tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện, điều tra tội phạm về ma túy (theo công văn số 274/PC47 ngày 03/01/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn) và có bố đẻ là ông Nông Văn C1 được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Theo nghị quyết số 41/2017/QH14 thì các tình tiết giảm nhẹ đó là tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh xét thấy các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K không đủ điều kiện để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Nông Văn S quá trình điều tra còn thu giữ của bị cáo một số tiền, nên cần phạt tiền bổ sung đối với bị cáo để sung công quỹ nhà nước.

[12] Về vật chứng của vụ án: Số ma túy còn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành và những vật chứng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Vật chứng là 01 điện thoại SAMSUNG; 01 điện thoại NOKIA màu xám; 01 điện thoại NOKIA màu xanh, 01 cân điện tử, 01 xe máy Honda Air Blade cùng

01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Dương Đức H2 là tài sản của bị cáo Nông Văn S đã mua bán nhưng chưa làm thủ tục sang tên, các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu hóa giá, sung quỹ Nhà nước. Đối với các giấy tờ tùy thân của các bị cáo do không liên quan đến vụ án cần trả lại cho các bị cáo. Đối với 01 ví giả da; 01 điện thoại OPPO và số tiền 9.800.000đ cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nông Văn S, do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nông Văn S trong vụ án nên cần trả lại cho bị cáo Nông Văn S; nhưng do bị cáo Nông Văn S còn phải thi hành án về khoản tiền phạt bổ sung, nên cần tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án.

[13] Đối với vật chứng là 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị Phụng, số 001801, căn cứ theo công văn số 55/PC47 ngày 07/3/2018 về việc đề nghị rút vật chứng của cơ quan điều tra công an tỉnh Lạng Sơn và phiếu xuất kho số: XKTTTS18/59 ngày 08/3/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn đã xác định đây là vật chứng của một vụ án khác, hiện tại cơ quan điều tra công an tỉnh Lạng Sơn đã rút lại vật chứng này, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với số vật chứng là số vũ khí quân dụng cơ quan điều tra đã chuyển giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn quản lý theo thẩm quyền, theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/3/2017 giữa Cơ quan điều tra và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn, Hội đồng xét xử xác nhận.

[14] Trong vụ án trên còn có một số đối tượng khác, tuy nhiên do Cơ quan điều tra không có đủ thông tin xác minh làm rõ; hoặc xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đề cập đến những đối tượng đó trong bản án này.

[15] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về phần hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận. Đối với bị cáo Nông Văn S, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là còn nhẹ, chưa tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét ấn định mức án phù hợp. Đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[16] Các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K, Nông Văn S bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[17] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[18] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án; các hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên đều được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không có ý kiến khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K (Tên gọi khác là H) phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Bị cáo Nông Văn S phạm các tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

1. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2016.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Phan Thị K (Tên gọi khác là H) 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2016.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Áp dụng điểm e khoản 4, 5 Điều 194; khoản 1 Điều 230; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nông Văn S 18 (Mười tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 02 (Hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nông Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2016.

- Phạt bổ sung đối với bị cáo Nông Văn S 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

II. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1. Tịch thu tiêu hủy:

1.1. 01 (một) hộp bì cattong được dán kín bằng giấy trắng. Tại các mép dán mặt ngoài của hộp niêm phong có chữ ký cùng tên của những thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Công an phường V, thành phố L. Tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H3, trợ lý giám định Bùi Anh T4, cán bộ Công an thành phố L Hoàng Văn D và hình dấu tròn của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong có 454,130 gam Methamphetamine.

1.2. 01 (một) phong bì dán kín, tại mép dán có chữ ký của những thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Công an phường V, thành phố L. Tại phần giáp lai mới có chữ ký của giám định viên Hoàng Mạnh H3, trợ lý giám định Bùi Anh T4, cán bộ Công an thành phố L Hoàng Văn D và hình dấu tròn của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong có 0,720 gam lá cần sa khô.

1.3. 01 (một) phong bì có dòng chữ "Công an thành phố L" được dán kín. Tại mép dán có chữ ký của những thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn

của Công an xã Đ, thành phố L. Tại phần giáp lai mới có chữ ký của giám định viên Hoàng Mạnh H3, trợ lý giám định Bùi Anh T4, cán bộ Công an thành phố L Hoàng Văn D và hình dấu tròn của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong có 24,640 gam Methamphetamine.

1.4. 01 (một) thú nhồi bông mặt chó màu vàng.

1.5. 01 (một) vỏ chai nhựa gắn 02 (hai) ống hút nhựa.

2. Tịch thu hóa giá, sung quỹ Nhà nước:

2.1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xám - bạc, số IMEI: 358548/06/263941/0, máy cũ đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 (một) sim VIETTEL.

2.2. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xám, số IMEI: 356869/02/733131/1, số Seri: 359315024733494, máy cũ đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 (một) sim VIETTEL.

2.3. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, số IMEI: 352832/05/365983/5, máy cũ đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 (một) sim VIETTEL.

2.4. 01 (một) cân điện tử màu đen mặt ngoài có dòng chữ "AoSai, Pocket Scale".

2.5. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen, BKS: 12P1-10865. Số khung: RLHJF4610EZ116487; số máy: JF46E6041820. Dung tích xi lanh: 124. Chủ xe: DƯƠNG ĐỨC H.

2.6. 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Dương Đức H, số 000876.

3. Trả lại cho bị cáo Nông Văn S:

3.1. 01 (một) giấy phép lái xe ô tô mang tên Nông Văn S, số: 200031201247.

3.2. 01 (một) giấy phép lái xe mô tô mang tên Nông Văn S, số: 200031201247.

3.3. 01 (một) giấy thông hành mang tên Nông Văn S, số 0960434.

3.4. 01 (một) ví giả da màu đen.

3.5. 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nông Văn S, số 080989995.

3.6. Số tiền 4.800.000đ được đựng trong 01 (một) phong bì thư niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay "Tang vật thu giữ khi bắt quả tang ngày 26/12/2016 của Nông Văn S 4.800.000đ", mặt sau có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và 03 (ba) hình dấu tròn của Công an phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Tại phần giáp lai mới có 03 (ba) hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và chữ ký cùng tên của giám định viên Nông Quang P3, Hoàng Xuân T5. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3.7. Số tiền 5.000.000đ được đựng trong 01 (một) phong bì thư được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay "Tang vật thu giữ khi khám xét chỗ ở của Nông Văn S 5.000.000đ, mặt sau có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu tròn của Công an xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Tại phần giáp lai mới có 03 (ba) hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và chữ ký cùng tên của giám định viên Nông Quang P3, Hoàng Xuân T5. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3.8. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đồng, số IMEI: 869125022968973, máy cũ đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 (hai) sim VINAPHONE và VIETTEL.

(Các vật chứng được ghi tại các biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/01/2018 giữa Cơ quan điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

4. Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã giao những vật chứng sau cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn quản lý theo thẩm quyền:

- 4.1. 01 (một) khẩu súng ngắn K59, số súng 1519 và hộp tiếp đạn trong súng.
- 4.2. 05 (năm) viên đạn cỡ 9 x 18mm.
- 4.3. 14 (mười bốn) viên đạn cỡ 7,62 x 25mm.
- 4.4. 03 (ba) viên đạn cỡ 9 x 29,5mm

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/3/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn).

III. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Thị T, Phan Thị K (Tên gọi khác là H), Nông Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo; báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/3/2018)/.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa Hình sự; HCTP;
- KTNV & THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn